

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sở.

2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 32 đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 32 đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị K Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2012 quyền số 01/2012 ngày 23/5/2012. Trong thời gian chung

sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, tranh cãi với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2016, bà Q bỏ nhà đi để con lại cho ông nuôi dưỡng mà không về thăm hỏi gì cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Q.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị B N, sinh ngày 28/9/2011, hiện đang sống chung với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K Q hiện có hộ khẩu thường trú tại số 32 đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh L. Tuy nhiên, qua xác minh của công an Phường 5, thành phố T, tỉnh L hiện bà Q không còn sinh sống tại địa phương, ông M xác định địa chỉ trên là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Q. Tòa án đã yêu cầu ông M thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Q trên báo đài Trung ương theo qui định, ông M đã yêu cầu đăng báo Công Lý thông báo tìm kiếm bà Q theo 3 số liên tiếp vào các ngày 10, 12, 17 tháng 5 năm 2023 và trên Đài tiếng nói Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh phát vào 03 ngày 05, 06, 07 tháng 5 năm 2023 về việc ông M có yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng bà Q không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông M. Tại phiên tòa, bà Q cũng vắng mặt dù đã được niêm yết hợp lệ giấy báo phiên tòa.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị K Q vắng mặt không lý do đã được đăng báo đài 03 số liên tiếp, nhấn tin trên Báo Công lý 03 số liên tiếp vào các ngày 10, 12, 17 tháng 5 năm 2023 và trên Đài tiếng nói Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh phát vào 03 ngày 05, 06, 07 tháng 5 năm 2023 để liên hệ Tòa án giải quyết về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của ông M nhưng bà Q vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai theo đúng qui định. ông M có đơn xin vắng mặt, xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo qui định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị K Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào năm

2012, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà Q không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không hòa giải được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông M là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thị B N, sinh ngày 28/9/2011 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con do ông M không có yêu cầu. Đương sự phải nộp án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Hoàng M nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị K Q có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

bà Nguyễn Thị K Q đã được thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên báo Công Lý theo 3 số liên tiếp vào các ngày 10, 12, 17 tháng 5 năm 2023 và trên Đài tiếng nói Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh phát vào 03 ngày 05, 06, 07 tháng 5 năm 2023 về việc ông M có yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà Q đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Q không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Q là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị K Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường E, thành phố T, tỉnh L nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của ông M và bà Q tại UBND phường E, thành phố T, tỉnh L nơi ông M và bà Q sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị K Q. ông M xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp hay xảy ra gây gổ, cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa ông M và bà Q không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q vắng mặt đã được thông báo trên báo đài Trung Ương 3 số liên tiếp và được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình,

chứng tỏ bà Q đã cố tình vắng mặt. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông M và bà Q đã không còn khả năng kéo dài được nữa, ông M đã cương quyết yêu cầu xin ly hôn, bản thân ông M xác định đã không còn tình cảm với bà Q nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: ông M và bà Q có 01 con chung tên Nguyễn Thị B N, sinh ngày 28/9/2011. ông M có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, con chung đang sống chung với ông M, trong quá trình giải quyết vụ án bà Q không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông M không có yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị K Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thị B N, sinh ngày 28/9/2011 cho ông Nguyễn Hoàng M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. bà Nguyễn Thị K Q không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Hoàng M không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: ông Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0002085 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THA TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**